

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, vùng quy hoạch, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 25 /TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÊN QUY HOẠCH, THỜI KỲ VÀ PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thời kỳ lập quy hoạch: Quy hoạch được lập có thời kỳ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Đối tượng quy hoạch gồm: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp; Trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy (sau đây gọi chung là cơ sở trợ giúp xã hội).

3. Phạm vi quy hoạch: Trên phạm vi cả nước, gồm các cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở ngoài công lập.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm lập quy hoạch

a) Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội; phù hợp, thống nhất với Chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030; quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia khác có liên quan, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phù hợp với đặc điểm từng vùng lãnh thổ, cơ cấu dân số và số lượng người dân có nhu cầu trợ giúp xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp; tạo điều kiện cho người nghiện ma túy tiếp cận với các dịch vụ cai nghiện, điều trị nghiện ma túy, giảm tác hại, kiểm chế gia tăng người nghiện; bảo đảm thi hành quyết định xử lý hành chính mỗi địa phương.

c) Phù hợp với khả năng đầu tư của nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của cộng đồng, xã hội để phát triển công tác trợ giúp xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng.

d) Quy hoạch có tính mở, linh hoạt, tùy thuộc vào tình hình và nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của hệ thống các cơ sở trợ giúp xã hội trên từng địa bàn cho phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ đối tượng.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Nhằm hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng cần trợ giúp; chữa trị, phục hồi cho người khuyết tật; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, bảo đảm thi hành kịp thời Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện; góp phần phòng ngừa người dân rơi vào hoàn cảnh nghèo, đặc biệt khó khăn, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng cần được trợ giúp và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Là công cụ hiệu quả, hiệu lực của nhà nước để phục vụ việc hoạch định chính sách phát triển lĩnh vực an sinh xã hội; tổ chức không gian, quản lý mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của ngành; đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch cụ thể đối với từng loại cơ sở trợ giúp xã hội, phù hợp với từng địa phương, từng giai đoạn quy hoạch.

c) Là cơ sở để đưa ra lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn cả nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ về trợ giúp xã hội, đảm bảo tính khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả.

d) Là cơ sở để huy động nguồn lực của cộng đồng, xã hội phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội tiếp cận các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

3. Nguyên tắc lập quy hoạch

a) Tuân thủ Luật Quy hoạch, các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo tính liên tục, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

b) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội với các quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội khác có liên quan; giữa quy hoạch ngành với quy hoạch địa phương.

c) Bảo đảm tính kế thừa, phát triển các quy hoạch trước đây và các chương trình, đề án phát triển ngành, lĩnh vực.

d) Bảo đảm tính khả thi, phù hợp nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch sau này.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch và có sự giám sát của người dân, cộng đồng trong quá trình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

III. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Quy trình lập quy hoạch

Quy trình lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quy hoạch.

2. Nội dung chính của quy hoạch

Nội dung chính của quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 25 Luật Quy hoạch và Điều 23 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên phạm vi cả nước.

b) Dự báo xu thế, kịch bản phát triển và các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến công tác trợ giúp xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Đánh giá kết quả thực hiện công tác trợ giúp xã hội; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực trợ giúp xã hội, cơ hội và thách thức.

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trong thời kỳ quy hoạch.

đ) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

e) Danh mục dự án quan trọng cơ sở trợ giúp xã hội, dự án ưu tiên đầu tư của ngành và thứ tự ưu tiên thực hiện.

g) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

h) Xây dựng báo cáo quy hoạch (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt), bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Các nội dung đề xuất nghiên cứu

a) Giải pháp, cơ chế, chính sách đặc thù đẩy mạnh thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy; nghiên cứu, thí điểm cơ chế, chính sách xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy theo vùng hoặc khu vực để xây dựng cơ sở chất lượng cao.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện tối thiểu để hình thành cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập theo từng loại hình cụ thể (quy mô đối tượng; tiêu chuẩn sử dụng đất; tiêu chuẩn xây dựng chung và các phân khu chức năng trong mỗi cơ sở; tỷ trọng nhân viên/đối tượng trong mỗi cơ sở...).

c) Nghiên cứu, rà soát đánh giá thực trạng việc cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

IV. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Phương pháp tiếp cận: Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, đa chiều, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, ứng dụng công nghệ hiện đại và có độ tin cậy cao.

2. Phương pháp chính được sử dụng trong lập quy hoạch: Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, phân loại, thống kê, xử lý thông tin; phương pháp dự báo, xây dựng phương án phát triển; phương pháp tích hợp quy hoạch; phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS); phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, tổng hợp; phương pháp tham vấn; phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo, tọa đàm và một số phương pháp khác.

V. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ trình phê duyệt và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Báo cáo quy hoạch: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt.
- Bản đồ, sơ đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch (theo quy định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch).
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương về quy hoạch và các ý kiến góp ý kèm theo.
- Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định.
- Bản đồ số và bản đồ in.

b) Số lượng: 10 bộ hồ sơ in và file mềm lưu toàn bộ nội dung quy hoạch.

c) Tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt; dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch; các báo cáo chuyên đề được in màu, thể hiện trên giấy khổ A4.
- Các bản đồ in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định.
- Các sơ đồ và bản vẽ thu nhỏ in màu khổ A3 và theo tỷ lệ thích hợp.

2. Thời hạn lập quy hoạch: Hoàn thành trong năm 2020.

3. Chi phí lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cụ thể chi phí lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan tổ chức lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có trách nhiệm đảm bảo việc triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

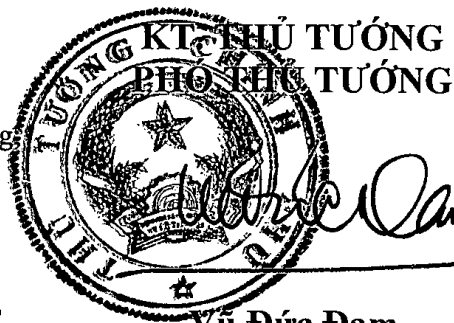
2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình lập quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./,

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các vụ: CN, TCCV, KTTH, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX (2). #6



Vũ Đức Đam